

**ĐẢNG BỘ TỈNH LÂM ĐỒNG**  
**HUYỆN ỦY CÁT TIÊN**

\*

Số **859**-CV/HU

Về việc báo cáo tổng kết 10 năm  
thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW  
của Ban Chấp hành Trung ương

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
Cát Tiên, ngày **22** tháng 02 năm 2023

**Kính gửi:**

- Ủy ban nhân dân huyện,
- Các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy,
- Ban Tuyên giáo Huyện ủy.

Thực hiện Công văn số 226-CV/BTGTU ngày 17/02/2023 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về việc báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, **Thường trực Huyện ủy có ý kiến chỉ đạo như sau:**

1. UBND huyện, các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy báo cáo kết quả 10 năm thực hiện Kế hoạch số 123-KH/HU ngày 01/4/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện “về thực hiện Chương trình hành động số 74-CTr/TU ngày 11/01/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” của đơn vị, tổ chức cơ sở Đảng mình (theo đề cương gửi kèm), gửi về Thường trực Huyện ủy (qua Ban Tuyên giáo Huyện ủy) **trước ngày 15/03/2023.**

2. Ban Tuyên giáo Huyện ủy tổng hợp, tham mưu Thường trực Huyện ủy xây dựng báo cáo 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI), trình họp Ban Thường vụ Huyện ủy trong tháng 3 năm 2023.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy,
- Như kính gửi,
- Lưu VPHU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ**  
**PHÓ BÍ THƯ**



**Đương Hùng Cường**



**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**  
**Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”**

**PHẦN THỨ NHẤT**

**Đặc điểm tình hình và công tác triển khai thực hiện  
Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI**

**I. Đặc điểm, tình hình của địa phương, đơn vị tác động đến quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam.**

Đánh giá bối cảnh tình hình trong nước, trong tỉnh, trong huyện; đặc điểm của địa phương, cơ quan, đơn vị; những yếu tố tác động đến quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo qua 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 và Kế hoạch số 123-KH/HU ngày 01/4/2014 của Huyện ủy “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”

**II. Quá trình quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện Nghị quyết, kế hoạch**

**1. Công tác nghiên cứu, quán triệt**

Đánh giá quá trình hướng dẫn, tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kế hoạch số 123-KH/HU của các cấp, các ngành bao gồm các nội dung sau:

- Phương thức, tiến độ triển khai.
- Công tác nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết, thành phần tham gia; hiệu quả của các hội nghị quán triệt Nghị quyết (có số liệu cụ thể).

**2. Công tác tuyên truyền**

Đánh giá kết quả thực hiện hình thức, nội dung, hiệu quả tuyên truyền về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tới cán bộ, đảng viên và Nhân dân; mức độ đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân đối với các hoạt động đổi mới giáo dục.

**3. Công tác triển khai thực hiện**

- Việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo; xây dựng chương trình, kế hoạch, hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kế hoạch số 123-KH/HU của các cấp, các ngành; việc thể chế hóa các nội dung Nghị quyết số 29-NQ/TW thành các quy định cụ thể để thực hiện thống nhất trong Đảng, hệ thống chính trị và trong xã hội.

- Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai các đề án thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW; chỉ rõ những nội dung đã hoàn thành và đang áp dụng trong thực tiễn (hiệu quả xã hội của các đề án) hoặc chưa hoàn thành (chưa thực hiện).



- Công tác chỉ đạo sơ kết, tổng kết Nghị quyết số 29-NQ/TW qua các giai đoạn; việc gắn các nội dung của Nghị quyết với việc kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động đơn vị.

## **PHẦN THỨ HAI**

### **Kết quả, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm qua 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW**

#### **I. Kết quả đạt được**

##### **1. Về nâng cao nhận thức và tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền đối với đổi mới giáo dục và đào tạo**

- Đánh giá khái quát việc ban hành chương trình, kế hoạch, đề án triển khai quan điểm “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển, được ưu tiên đi trước một bước trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội”; mức độ hiểu biết và ủng hộ của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Kết quả công tác phát triển đảng, công tác chính trị, tư tưởng trong các trường học. Vai trò của chi bộ, đảng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Công tác dự báo, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương; kết quả thực hiện chính sách đặt hàng đào tạo nguồn nhân lực.

- Đánh giá kết quả giải quyết các hiện tượng tiêu cực kéo dài, gây bức xúc xã hội (bệnh thành tích trong giáo dục; hiện tượng quá tải trong giáo dục; tình trạng dạy thêm, học thêm; bạo lực học đường và sự xuống cấp về đạo đức của một bộ phận học sinh, sinh viên, ...).

##### **2. Về đổi mới đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học.**

- Đánh giá khái quát về việc ban hành chương trình, kế hoạch, đề án triển khai giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; kết hợp dạy người, dạy chữ và dạy nghề. Một số kết quả nổi bật đạt được của giáo dục, đào tạo phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Công tác giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa, truyền thống và đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị cốt lõi và nhân văn của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Đánh giá kết quả đạt được trong (1). đổi mới phương pháp theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học, tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học; (2). đổi mới hình thức tổ chức dạy học theo hướng đa dạng hình thức học tập, chú trọng các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học.



- Kết quả đạt được nổi bật của công tác giáo dục quốc phòng, an ninh và hướng nghiệp; dạy ngoại ngữ, tin học theo hướng chuẩn hóa, thiết thực, đảm bảo năng lực sử dụng của người học.

- Công tác dạy tiếng nói và chữ viết của các dân tộc thiểu số.

- Đánh giá hoạt động xây dựng chương trình theo hướng tinh giản nội dung; phát triển phẩm chất, năng lực người học; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Kết quả đạt được triển khai cụ thể cho giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học.

### **3. Về đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan.**

- Đánh giá khái quát việc ban hành chương trình, kế hoạch, đề án triển khai đổi mới hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan. Những kết quả nổi bật đạt được trong đổi mới thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo.

- Những xu hướng tiên tiến và tin cậy trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục và đào tạo đã được áp dụng trong giáo dục và đào tạo so với thời điểm trước khi ban hành Nghị quyết.

- Lộ trình, phương án đổi mới và kết quả đạt được trong thi và công nhận tốt nghiệp phổ thông theo hướng giảm áp lực, tốn kém cho xã hội, đảm bảo độ tin cậy, trung thực, làm cơ sở cho tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

- Công tác đánh giá diện rộng ở phổ thông, làm cơ sở điều chỉnh chính sách về giáo dục và đào tạo.

- Đánh giá sự phát triển của hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục; hoạt động kiểm tra, đánh giá, kiểm soát chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục ngoài công lập, cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài.

- Công tác tuyển dụng, sử dụng lao động đã qua đào tạo theo hướng chú trọng năng lực, chất lượng, hiệu quả công việc thực tế; coi sự chấp nhận của thị trường lao động đối với người học là tiêu chí quan trọng để đánh giá uy tín, chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

### **4. Về hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.**

- Đánh giá khái quát việc ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn; chương trình, kế hoạch, đề án triển khai xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, liên thông; học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Những kết quả đạt được nổi bật trong việc xây dựng hệ thống giáo dục mở.

- Kết quả quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp gắn với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực.

- Đánh giá kết quả đầu tư, củng cố, phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Kết quả công tác hướng nghiệp, phân luồng sau trung học cơ sở, trung học phổ thông; sự liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.



- Công tác sắp xếp, điều chỉnh mạng lưới các trường học; huy động sự tham gia của xã hội trong xây dựng, điều chỉnh, thực hiện chương trình đào tạo và đánh giá năng lực người học.

- Đánh giá chủ trương khuyến khích xã hội hóa để đầu tư xây dựng và phát triển các trường chất lượng cao ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo.

### **5. Về đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng.**

- Đánh giá khái quát việc chương trình, kế hoạch, đề án, hoạt động triển khai đổi mới công tác quản lý giáo dục, đào tạo theo hướng đảm bảo dân chủ, thống nhất, tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục và đào tạo; những kết quả nổi bật đạt được trong đổi mới công tác quản lý giáo dục.

- Việc ban hành các văn bản, quy chế, công tác phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo với cơ quan quản lý theo ngành, lãnh thổ của các ngành, địa phương đảm bảo sự liên thông, tính hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.

- Đánh giá kết quả thực hiện chủ trương “cơ quan quản lý giáo dục, đào tạo địa phương tham gia quyết định về quản lý nhân sự, tài chính cùng với quản lý thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp”.

- Công tác chuẩn hóa các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; quản lý chất lượng đầu ra; xây dựng hệ thống kiểm định độc lập về chất lượng giáo dục và đào tạo; sự phân định giữa quản lý nhà nước và quản trị cơ sở giáo dục.

- Kết quả triển khai chủ trương “Đẩy mạnh phân cấp, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo”; “giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo; phát huy vai trò của hội đồng trường”. Công tác giám sát của các chủ thể trong nhà trường và xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý các cấp; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

### **6. Về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo.**

- Đánh giá khái quát về việc ban hành chương trình, kế hoạch, đề án, hoạt động xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Những kết quả nổi bật đạt được trong công tác phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

- Công tác xây dựng, ban hành, triển khai chuẩn nhà giáo; hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giáo viên nâng chuẩn, đạt chuẩn theo hướng nâng chuẩn trình độ, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên mầm non, tiểu học.

- Chính sách phát triển, quy hoạch mạng lưới các cơ sở đào tạo giáo viên ở địa phương.



- Việc ban hành các chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kết quả triển khai chế độ ưu đãi và tuổi nghỉ hưu hợp lý đối với nhà giáo có trình độ cao; mức độ thực hiện chủ trương “Lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng”.

#### **7. Về đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo.**

- Đánh giá khái quát việc ban hành văn bản, hướng dẫn; các chương trình, đề án, hoạt động đổi mới chính sách, cơ chế tài chính; huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo. Những kết quả nổi bật đạt được về đổi mới chính sách cơ chế, tài chính cho giáo dục.

- Tổng chi ngân sách cho giáo dục hàng năm so với yêu cầu tối thiểu 20% tổng chi ngân sách; đánh giá cơ cấu chi, mức độ đáp ứng yêu cầu thực tiễn để nâng cao chất lượng, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Đánh giá hiệu quả đầu tư các chương trình, đề án trọng điểm phục vụ phát triển giáo dục nghề nghiệp; giáo dục vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Việc ban hành chính sách và kết quả thực hiện huy động nguồn lực xã hội trong và ngoài nước đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo.

- Chính sách tín dụng, ưu tiên, học bổng, hỗ trợ tài chính cho các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, học sinh có hoàn cảnh khó khăn đảm bảo cơ hội tiếp cận công bằng giáo dục và đào tạo.

#### **8. Về nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý.**

- Đánh giá khái quát việc ban hành chương trình, kế hoạch, đề án, hoạt động nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý. Những kết quả nổi bật đạt được trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

- Đánh giá việc thực hiện chủ trương “Tập trung đầu tư nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiên cứu khoa học giáo dục quốc gia. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyên gia giáo dục. Triển khai chương trình nghiên cứu quốc gia về khoa học giáo dục”.

#### **9. Về chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo.**

- Đánh giá khái quát việc ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn; chương trình, kế hoạch, đề án, hoạt động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo.

- Các hình thức liên kết, hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo; cơ chế, chính sách quản lý chất lượng, hiệu quả của các hoạt động liên kết, hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo.



- Việc xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ ở địa phương.

## **II. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân**

### **1. Hạn chế, khuyết điểm**

Tập trung phân tích và làm rõ những hạn chế, khuyết điểm trong nghiên cứu, học tập, triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW và Kế hoạch số 123-KH/HU; quá trình tổ chức thực hiện, việc thực hiện các mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, chủ trương và giải pháp được nêu trong Nghị quyết số 29-NQ/TW.

Năng lực tổ chức quản lý, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết 29-NQ/TW.

### **2. Nguyên nhân**

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

## **III. Một số mô hình hay, cách làm hiệu quả trong triển khai thực hiện**

## **IV. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện**

## **V. Một số bài học kinh nghiệm**

## **PHẦN THỨ BA**

**Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu,  
tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo**

### **I. Dự báo tình hình**

Những diễn biến, xu hướng đáng lưu ý về kinh tế - xã hội, về khoa học công nghệ ảnh hưởng tới đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tới.

### **II. Phương hướng**

Đề ra phương hướng tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trên cơ sở đánh giá kết quả thực 10 năm thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW và Kế hoạch số 123-KH/HU; bám sát định hướng phát triển giáo dục và đào tạo trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, trong các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2020-2025.

### **III. Nhiệm vụ, giải pháp**

Trên cơ sở đánh giá thực trạng, đề ra các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá thực hiện quan điểm “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu”; khắc phục những tồn tại, hạn chế, yếu kém trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-CT/TW và Kế hoạch số 123-KH/HU; nhân rộng, phát huy những mô hình tốt, cách làm hay trong đổi mới giáo dục và đào tạo; tạo được sự đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng được tình hình phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

**IV. Đề xuất, kiến nghị**

1. Đối với tỉnh.
2. Đối với Trung ương.



**PHỤ LỤC 1**  
**MỘT SỐ VĂN BẢN CỦA ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG**  
**BAN HÀNH TỪ 2013 – 2023**

Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW và Kế hoạch số 123-KH/HU



PHỤ LỤC 2  
**SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC MẦM NON GIAI ĐOẠN 2013 - 2023**  
 Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW và Kế hoạch số 123-KH/HU

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
2013									
2014									
2015									
2016									
2017									
2018									
2019									
2020									
2021									
2022									

**Ghi chú:** (1). Tổng số học sinh theo học MN; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường MN; (4). Số trường MN ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học MN; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên MN; (8). Số giáo viên MN đạt chuẩn.



PHỤ LỤC 3

**SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC TIỂU HỌC GIAI ĐOẠN 2013 - 2023**  
Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW và Kế hoạch số 123-KH/HU

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013								
2014								
2015								
2016								
2017								
2018								
2019								
2020								
2021								
2022								

**Ghi chú:** (1). Tổng số học sinh theo học TH; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường TH; (4). Số trường TH ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học TH; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên TH; (8). Số giáo viên TH đạt chuẩn.



**PHỤ LỤC 4**  
**SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC THCS GIAI ĐOẠN 2013 - 2023**  
 Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW và Kế hoạch số 123-KH/HU

<b>Năm</b>	<b>Học sinh</b>		<b>Cơ sở vật chất</b>				<b>Giáo viên</b>	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013								
2014								
2015								
2016								
2017								
2018								
2019								
2020								
2021								
2022								

**Ghi chú:** (1). Tổng số học sinh theo học THCS; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường THCS; (4). Số trường THCS ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học THCS; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên THCS; (8). Số giáo viên THCS đạt chuẩn.



**PHỤ LỤC 5**  
**SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC THPT GIAI ĐOẠN 2013 - 2023**  
 Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW và Kế hoạch số 123-KH/HU

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013								
2014								
2015								
2016								
2017								
2018								
2019								
2020								
2021								
2022								

**Ghi chú:** (1). Tổng số học sinh theo học THPT; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường THPT; (4). Số trường THPT ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học THPT; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên THPT; (8). Số giáo viên THPT đạt chuẩn.



PHỤ LỤC 6

**SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2013 - 2023**

Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW và Kế hoạch số 123-KH/HU

Năm	Sinh viên		Cơ sở vật chất				Giảng viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013								
2014								
2015								
2016								
2017								
2018								
2019								
2020								
2021								
2022								

**Ghi chú:** (1). Tổng số học sinh theo học nghề; (2). Số sinh viên theo học nghề sau tốt nghiệp THCS; (3). Tổng số cơ sở GDNN; (4). Số cơ sở GDNN ngoài công lập; (5). Số cơ sở đào tạo sơ, trung cấp; (6). Số cơ sở đào tạo cao đẳng; (7). Tổng số nhà giáo GDNN; (8). Số nhà giáo GDNN đạt chuẩn.



**PHỤ LỤC 7**  
**MỘT SỐ CHỈ SỐ LIÊN QUAN TỚI GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2013 - 2023**  
 Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW và Kế hoạch số 123-KH/HU

Năm	Tiếp cận và công bằng giáo dục					Chỉ số về nguồn nhân lực			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2013									
2014									
2015									
2016									
2017									
2018									
2019									
2020									
2021									
2022									

**Ghi chú:** (1). Tỷ lệ trẻ 3 đến 5 tuổi học mẫu giáo; (2). Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình TH vào lớp 6; (3). Tỷ lệ học sinh lưu ban và bỏ học ở THCS; (4). Tỷ lệ HS theo học nghề sau THCS; (5). Số sinh viên/vạn dân; (6). Tỷ lệ lao động qua đào tạo; (7). Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ; (8). Chỉ số nguồn nhân lực (HCI); (9). Chỉ số phát triển con người (HDI).



**PHỤ LỤC 8**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2013 - 2023**  
 Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW và Kế hoạch số 123-KH/HU

STT	Tên chương trình, kế hoạch, dự án	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện		Kinh phí xã hội hóa	Kết quả
1						
2						
<b>Tổng kinh phí thực hiện:</b>						